

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

KHU VỰC NÔNG THÔN

Tháng 01 năm 2019

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2019 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2014</i>	<i>Tháng 1 năm 2018</i>	<i>Tháng 12 năm 2018</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	110,72	102,56	100,06
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	107,87	105,48	100,64
1- Lương thực	108,33	102,18	100,54
2- Thực phẩm	107,47	107,28	100,80
3- Ăn uống ngoài gia đình	109,06	102,32	100,19
II, Đồ uống và thuốc lá	107,88	101,76	100,64
III, May mặc, mũ nón, giày dép	108,45	101,68	100,46
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	106,91	100,58	100,25
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,03	101,24	100,11
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	241,60	102,40	100,00
Trong đó: Dịch vụ y tế	301,19	102,87	100,00
VII, Giao thông	86,83	95,86	96,79
VIII, Bưu chính viễn thông	98,19	99,56	99,96
IX, Giáo dục	131,27	105,60	100,24
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	137,39	106,46	100,26
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	104,56	101,39	100,24
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	110,81	102,49	100,29

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng.